BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HỘI THẢO TẬP HUẤN TRIỂN KHAI THÔNG TƯ SỐ 20/2026/TT-BGDĐT

Từ đánh giá sự tuân thủ đến đánh giá hiệu quả vận hành, kết quả và tác động

Báo cáo viên: PGS.TS. Tạ Thị Thu Hiền

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2026

Khái niệm chất lượng CSGDĐH

Chất lượng của cơ sở giáo dục đại học là sự đáp ứng các mục tiêu do chính cơ sở giáo dục đại học xác lập, đồng thời đáp ứng các yêu cầu theo quy định của pháp luật về giáo dục đại học; bảo đảm và cải tiến liên tục chất lượng các lĩnh vực hoạt động, nhằm phục vụ hiệu quả cho nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương và cả nước. ***(Điều 2 TT20/2026/TT-BGDĐT)***

Các yếu tố cốt lõi:

Mục tiêu tự xác lập
CSĐT tự xác lập mục tiêu phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn

Tuân thủ pháp luật
Đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật liên quan

Cải tiến liên tục
Bảo đảm & nâng cao chất lượng các lĩnh vực hoạt động

Phục vụ xã hội, phát triển đất nước
Hiệu quả cho phát triển nguồn nhân lực địa phương và cả nước

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HỆ THỐNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC (Luật GDĐH 125/2025/QH15)

ĐBCL bên trong (Điều 33 Luật GDĐH - 2025)

1. Hệ thống BĐCLBT có chức năng duy trì, phát triển VHCL; bảo đảm cải tiến chất lượng liên tục; công khai, minh bạch thông tin; nâng cao trách nhiệm giải trình trong quá trình hoạt động GDĐH.

2. Hệ thống BĐCLBT bao gồm: đơn vị hoặc bộ phận chuyên trách; chính sách chất lượng và các văn bản thực thi; bộ công cụ BĐCL với các quy trình, hệ thống thu thập, phân tích minh chứng; cơ chế phản hồi thông tin từ các bên liên quan; hệ thống thông tin quản lý; điều kiện CSVC, tài chính vận hành hệ thống hiệu quả.

BĐCL bên trong (IQA)
- Tổ chức, nhân sự
- Chính sách, văn bản
- Công cụ
- Giám sát, đánh giá
- Hệ thống thông tin
- CSVC, tài chính
- Cải tiến
- Văn hóa chất lượng

BĐCL bên ngoài (EQA)

- **Đánh giá**
- **Kiểm định chất lượng giáo dục**

Xếp hạng đại học

Cải tiến chất lượng liên tục, văn hóa chất lượng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CSGDĐH THEO TT20/2026/TT-BGDĐT

Lãnh đạo và quản lý chiến lược
(05 tiêu chuẩn, 23 tiêu chí)

1. Tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và quản trị	6
2. Lãnh đạo và chiến lược	5
3. Nguồn nhân lực	5
4. Nguồn lực tài chính và vật chất	5
5. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại	2

Các chức năng chính của CSĐT
(03 tiêu chuẩn, 15 tiêu chí)

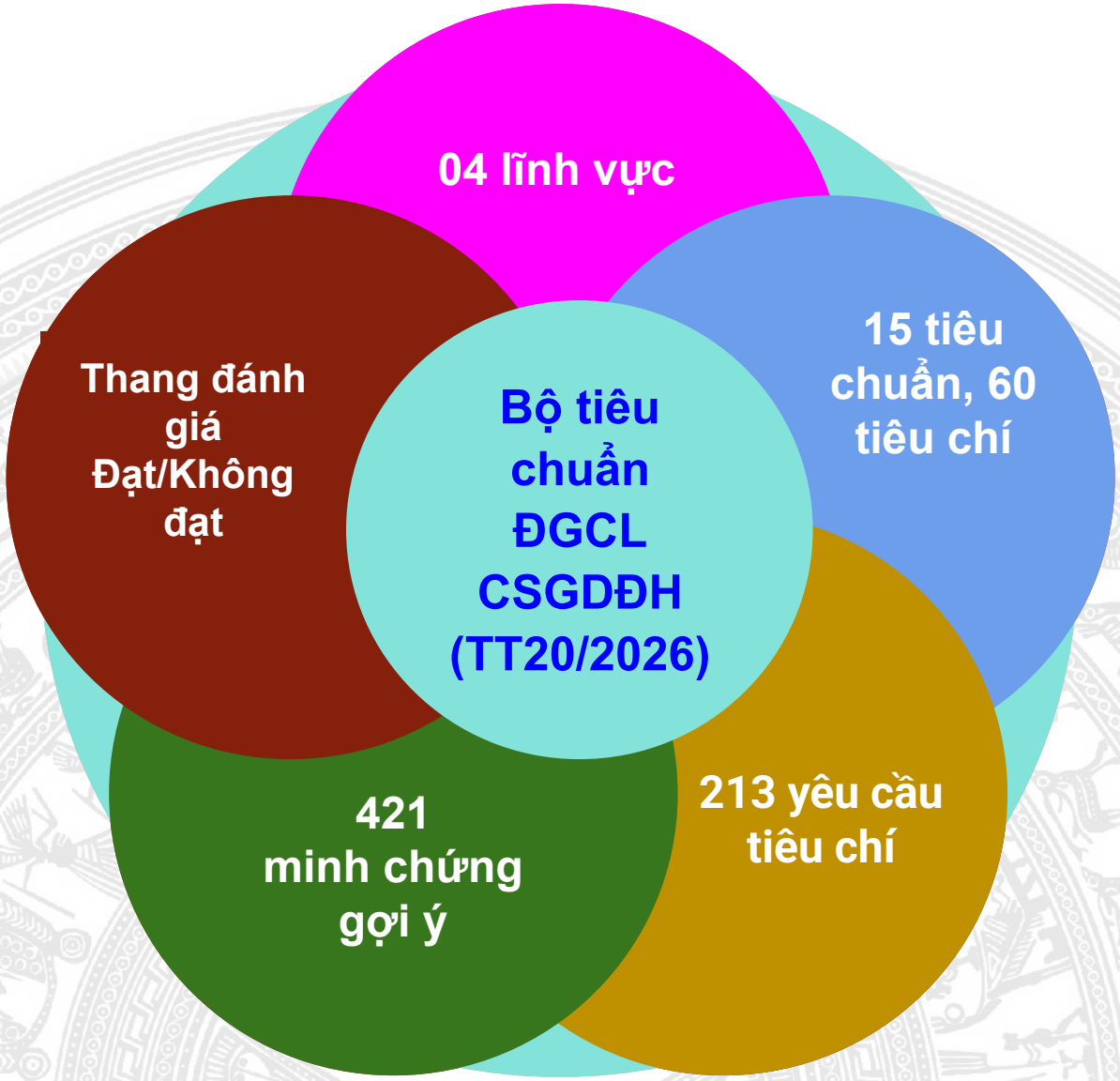
6. Các chính sách về đào tạo	7
7. Các chính sách về nghiên cứu khoa học	5
8. Các chính sách về kết nối và phục vụ cộng đồng	3

Hệ thống ĐBCL và hỗ trợ
(03 tiêu chuẩn, 08 tiêu chí)

9. Hệ thống bảo đảm chất lượng	4
10. Hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng bên trong	2
11. Nâng cao chất lượng	2

Kết quả và tác động
(04 tiêu chuẩn, 14 tiêu chí)

12. Các kết quả về đào tạo	4
13. Các kết quả về nghiên cứu khoa học	4
14. Các kết quả về kết nối và phục vụ cộng đồng	4
15. Các kết quả về tài chính và thị trường	2

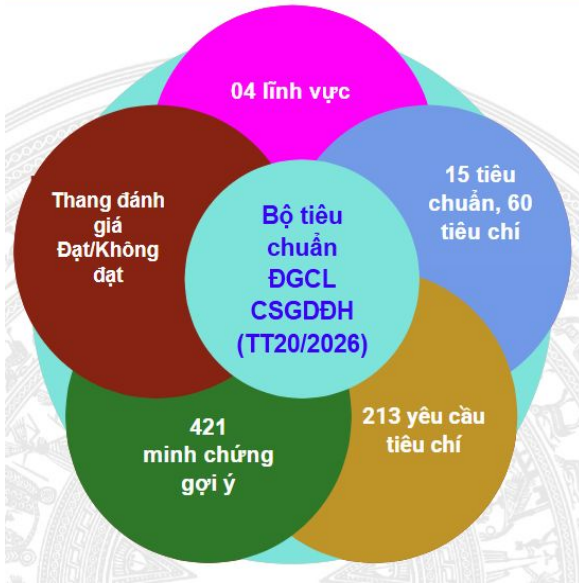

04 lĩnh vực
15 tiêu chuẩn, 60 tiêu chí
213 yêu cầu tiêu chí
421 minh chứng gợi ý
Thang đánh giá Đạt/Không đạt
Bộ tiêu chuẩn ĐGCL CSGDĐH (TT20/2026)

BẢNG TỔNG HỢP TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CSGDĐH THEO PHỤ LỤC 2 TT20/2026/TT-BGDĐT

I. Lãnh đạo và quản lý chiến lược		
Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Yêu cầu TC (71)	MC gợi ý (149)
Tiêu chuẩn 1	**19**	**33**
TC 1.1	2	6
TC 1.2	4	4
TC 1.3	3	4
TC 1.4	4	5
TC 1.5	3	4
TC 1.6	3	10
Tiêu chuẩn 2	**15**	**35**
TC 2.1	3	8
TC 2.2	3	6
TC 2.3	3	8
TC 2.4	2	6
TC 2.5	4	7
Tiêu chuẩn 3	**16**	**34**
TC 3.1	**3**	6
TC 3.2	3	6
TC 3.3	3	6
TC 3.4	3	7
TC 3.5	4	9
Tiêu chuẩn 4	**16**	**36**
TC 4.1	3	7
TC 4.2	3	7
TC 4.3	3	7
TC 4.4	3	7
TC 4.5	4	8
Tiêu chuẩn 5	**5**	**11**
TC 5.1	3	5
TC 5.2	2	6

II. Các chức năng chính của cơ sở đào tạo		
Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Yêu cầu TC (52)	MC gợi ý (93)
Tiêu chuẩn 6	**28**	**50**
TC 6.1	4	6
TC 6.2	4	7
TC 6.3	4	7
TC 6.4	3	6
TC 6.5	3	6
TC 6.6	5	7
TC 6.7	5	11
Tiêu chuẩn 7	**16**	**30**
TC 7.1	4	7
TC 7.2	3	5
TC 7.3	3	6
TC 7.4	3	6
TC 7.5	3	6
Tiêu chuẩn 8	**8**	**13**
TC 8.1	3	6
TC 8.2	3	4
TC 8.3	2	3

III. Hệ thống đảm bảo chất lượng và hỗ trợ		
Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Yêu cầu TC (34)	MC gợi ý (67)
Tiêu chuẩn 9	**15**	**32**
TC 9.1	5	15
TC 9.2	3	9
TC 9.3	3	3
TC 9.4	4	5
Tiêu chuẩn 10	**12**	**24**
TC 10.1	6	12
TC 10.2	6	12
Tiêu chuẩn 11	**7**	**11**
TC 11.1	3	4
TC 11.2	4	7



IV. Kết quả và tác động		
Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Yêu cầu TC (56)	MC gợi ý (112)
Tiêu chuẩn 12	**16**	**31**
TC 12.1	4	9
TC 12.2	4	8
TC 12.3	4	7
TC 12.4	4	7
Tiêu chuẩn 13	**16**	**26**
TC 13.1	4	8
TC 13.2	4	4
TC 13.3	4	9
TC 13.4	4	5
Tiêu chuẩn 14	**16**	**30**
TC 14.1	4	9
TC 14.2	4	9
TC 14.3	4	7
TC 14.4	4	5
Tiêu chuẩn 15	**8**	**25**
TC 15.1	4	12
TC 15.2	4	13

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Từ khóa chính trong bộ tiêu chí TT20/2026

Tầm nhìn, Quản trị & Chiến lược · Đào tạo & Người học · Nguồn lực & Đối ngoại · NCKH, ĐMST & Phục vụ cộng đồng · Bảo đảm & Nâng cao chất lượng



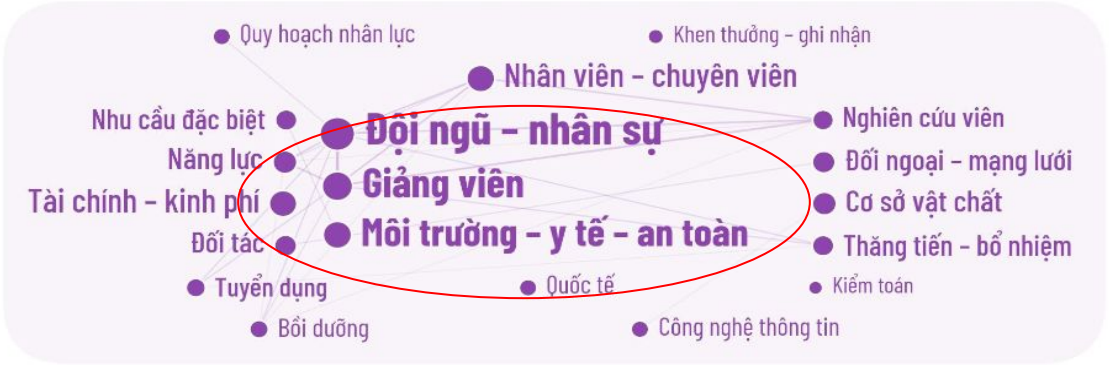


CSĐT

ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC

Cột 2: Yêu cầu tiêu chí · Phụ lục 2 · TT 20/2026







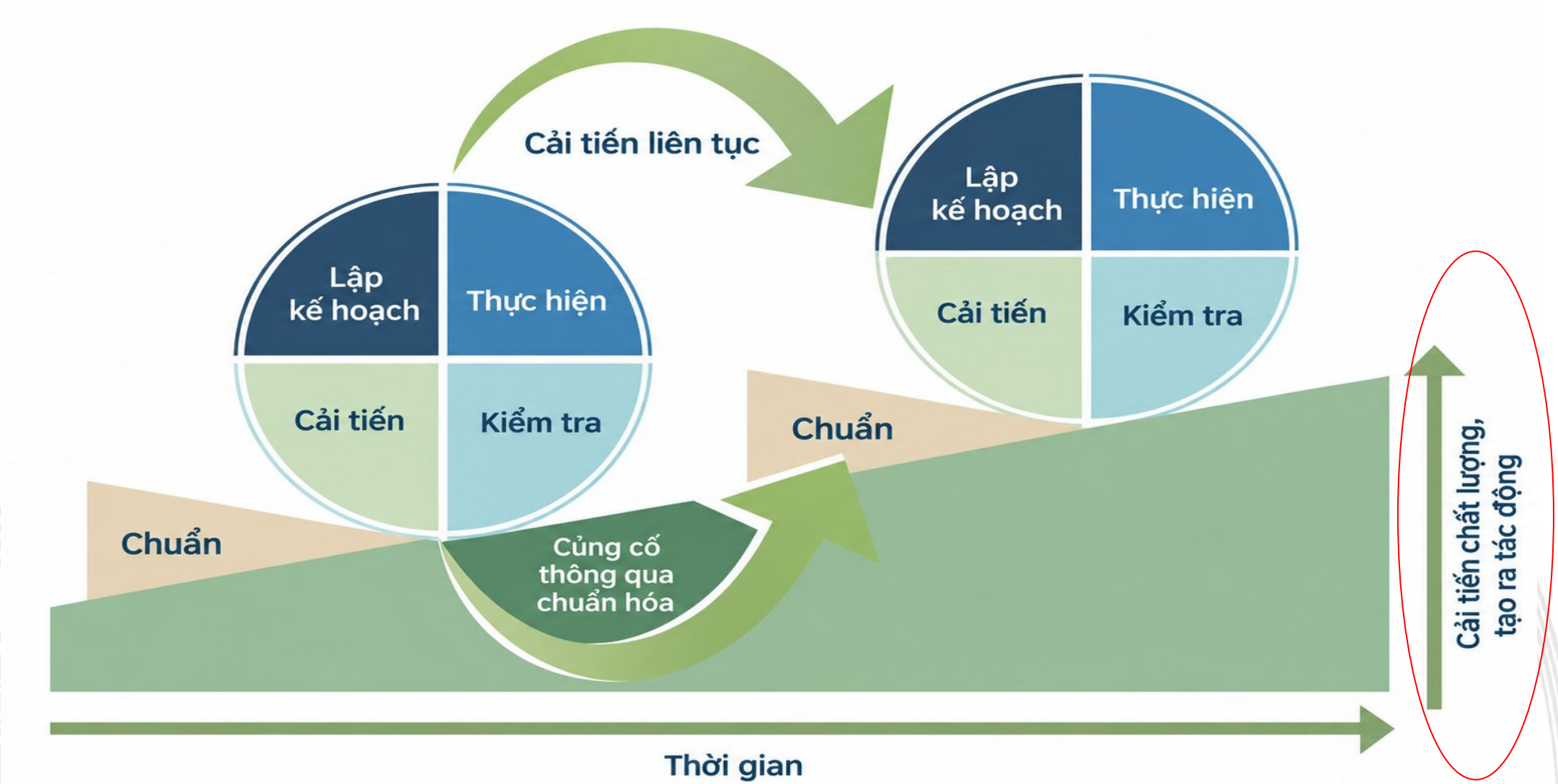
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

10 TIÊU CHÍ CÓ YÊU CẦU ĐÁP ỨNG QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT THEO TT20/2026/TT-BGDĐT

Tiêu chí	Trích yêu cầu tiêu chí (Phụ lục 2 - TT20/2026)
TC1.2	CSĐT có hệ thống quản trị bao gồm các đơn vị/bộ phận được thành lập/hoạt động trong CSĐT theo quy định của Luật Giáo dục đại học.
TC1.6	Hệ thống văn bản của hệ thống quản trị để tổ chức, quản lý CSĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh để phù hợp với các thay đổi trong cơ cấu tổ chức và quản trị của CSĐT, với các quy định của pháp luật.
TC2.1	Vai trò, trách nhiệm của các chủ thể được phân định rõ ràng, thể hiện trong quy chế tổ chức và hoạt động của CSĐT, được xây dựng theo quy định của pháp luật.
TC3.1	CSĐT phát triển nguồn nhân lực theo quy hoạch, tuân thủ các quy định hiện hành và đáp ứng sứ mạng, tầm nhìn, kế hoạch chiến lược phát triển, nhu cầu đào tạo, NCKH, kết nối và phục vụ cộng đồng của CSĐT.
TC4.1	- CSĐT có quy định, quy trình, công cụ hỗ trợ để quản lý tài chính/sử dụng ngân sách phù hợp với quy định của pháp luật. - Kế hoạch tài chính được xây dựng/điều chỉnh (nếu cần thiết) với sự tham gia chủ động của các bên liên quan (các đơn vị thực hiện kế hoạch, pháp chế, …); được ban hành chính thức; phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, với các mục tiêu chiến lược và các quy định nội bộ của CSĐT; tuân thủ pháp luật. - Các kế hoạch tài chính/ngân sách được triển khai thực hiện; được kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ và được kiểm toán theo quy định nhằm đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm giải trình.
TC4.2	Kế hoạch bảo trì, nâng cấp và mở rộng CSVC, hạ tầng được thực hiện hiệu quả; có tổng kết, đánh giá việc đáp ứng nhu cầu hiện tại và dự báo nhu cầu tương lai về đào tạo, nghiên cứu khoa học, kết nối và phục vụ cộng đồng; đáp ứng các chuẩn chất lượng về CSVC, hạ tầng theo quy định của pháp luật (nếu có).
TC4.5	- CSĐT có quy định, quy trình về điều kiện, đánh giá và cải tiến các yếu tố về môi trường, y tế, an toàn và khả năng tiếp cận cho người có nhu cầu đặc biệt; phù hợp với quy định của pháp luật. - Kế hoạch đảm bảo các điều kiện về môi trường, y tế, an toàn và khả năng tiếp cận cho người có nhu cầu đặc biệt được xây dựng/điều chỉnh (nếu cần thiết); được ban hành chính thức; bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật và được triển khai thực hiện hiệu quả.
TC6.1	- Đề án tuyển sinh được ban hành, phù hợp với mục tiêu của chương trình đào tạo, đúng quy định hiện hành và được cập nhật hằng năm. - Tiêu chí và quy trình tuyển chọn người học được công bố công khai và được thực hiện đúng quy định.
TC6.2	- CSĐT có quy trình thiết kế, phát triển, rà soát, đánh giá và cập nhật CTĐT đáp ứng các quy định, đảm bảo sự tham gia của các bên liên quan, đảm bảo CTĐT được thiết kế và thẩm định theo nguyên tắc giáo dục theo đầu ra. - Tất cả CTĐT được thiết kế, rà soát, đánh giá và cập nhật đáp ứng quy định về chuẩn CTĐT và khung trình độ quốc gia Việt Nam.
TC7.1	Quy định về hoạt động NCKH đối với cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên, người học phù hợp với quy định của Nhà nước, sứ mạng, tầm nhìn và các mục tiêu chiến lược của CSĐT.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

QUAN ĐIỂM TIẾP CẬN TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN (PDCA)



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Cách đánh giá TT20/2026/TT-BGDĐT

1 Đánh giá tiêu chí

ĐẠT

- Có cách tiếp cận chính thức về BĐCL
- Có hệ thống phù hợp
- Triển khai rõ ràng, chặt chẽ, nhất quán
- Có MC cải tiến thường xuyên, có hệ thống

KHÔNG ĐẠT

- Không có cách tiếp cận chính thức
- Không có hệ thống chính sách/quy trình phù hợp
- Có nhưng chưa ban hành hợp lệ/chưa áp dụng nhất quán
- Không có MC xác thực về cải tiến

2 Đánh giá tiêu chuẩn (TC)

ĐẠT

- TC có dưới 6 tiêu chí: ≤ 01 tiêu chí không đạt
- TC có ≥ 6 tiêu chí: ≤ 02 tiêu chí không đạt

KHÔNG ĐẠT

Số tiêu chí không đạt vượt quy định trên

3 Đánh giá CSGDĐH

ĐẠT Tất cả các tiêu chuẩn đạt

ĐẠT CÓ ĐIỀU KIỆN

≤ 4 tiêu chuẩn không đạt
=> Phải có kế hoạch cải tiến trong ≤ 24 tháng

KHÔNG ĐẠT

Số tiêu chí không đạt vượt quy định trên

ĐIỀU KIỆN CSGDĐH ĐƯỢC CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG (Điều 40)

01 Có ít nhất 1 khóa học có NH tốt nghiệp tại thời điểm thành lập hội đồng TĐG

02 Được tổ chức KĐCLGD đánh giá ở mức Đạt/Đạt có điều kiện

03 Có văn bản gửi tổ chức KĐCLGD đề nghị xem xét, ra quyết định công nhận

CSGDĐH

- Duy trì, nâng cao chất lượng TC đạt
- Cải tiến liên tục TC không đạt, ban hành KH cải tiến cụ thể
- Nếu đạt có điều kiện: khắc phục TC không đạt và đáp ứng đầy đủ yêu cầu trong ≤ 24 tháng

Tổ chức KĐCLGD

- Theo dõi tiến độ cải tiến đối với CSĐT có 01–04 tiêu chuẩn không đạt; yêu cầu báo cáo + minh chứng.
- Đánh giá lại sau 12–24 tháng để xác nhận đã cải tiến và đạt/không đạt yêu cầu công nhận.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

KHÁI QUÁT QUAN ĐIỂM TIẾP CẬN BỘ TIÊU CHUẨN THEO THÔNG TƯ 20/2026/TT-BGDĐT

1. Tiếp cận quản trị toàn diện và hệ thống + bối cảnh

2. Tiếp cận theo chu trình cải tiến liên tục (PDCA)

3. Tiếp cận quản trị dựa trên dữ liệu, ĐBCL và đối sánh (Benchmarking)



4. Tiếp cận dựa trên đầu vào, quá trình, kết quả đầu ra và tác động (Outcome-based)

5. Tiếp cận dựa trên sự hài lòng của các bên liên quan

6. Tiếp cận chuyển đổi số, dữ liệu lớn và công khai minh bạch

NỀN TẢNG: TUÂN THỦ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

Sáu (06) thực hành quốc tế tiêu biểu trong tiếp cận đánh giá

EUA – IEP
(Châu Âu)

- Đánh giá theo sứ mạng, mục tiêu
- Chính sách, quy trình
- Giám sát, đánh giá
- Năng lực thay đổi

Đánh giá theo sứ mạng, mục tiêu

HLC
(Hoa Kỳ)

- Chất lượng chương trình
- Kết quả học tập
- Cải tiến bền vững

Hiệu quả - kết quả

AUN-QA
(ASEAN)

- Sứ mạng, quản trị
- Thành công người học
- Hiệu quả, tác động
- Cải tiến liên tục
- Phát triển bền vững

Gắn với sứ mạng

QAA
(UK)

- Quality code
- Cải tiến liên tục
- Sự tham gia
- Theo dõi cải tiến sau đánh giá

Theo dõi và cải tiến

ESG
(Châu Âu)

- Hệ thống bảo đảm chất lượng
- Kết nối trong – ngoài
- Phát triển VH chất lượng

Hệ thống & liên kết

TEQSA
(Úc)

- Đánh giá theo rủi ro
- Tin cậy vào hệ thống nội bộ
- Theo dõi cải tiến

Rủi ro & giám sát tương xứng

Điểm chung: không chỉ xem xét sự tồn tại của hệ thống, mà xem xét **hiệu quả vận hành, kết quả và việc sử dụng kết quả để cải tiến.**

Triết lý đánh giá ngoài TT20/2026

Quy định - Nguyên lý

- Đánh giá theo tiêu chuẩn – tiêu chí (Đạt / Không đạt)
- Tập trung vào hệ thống BĐCL bên trong
- Minh bạch, khách quan, trách nhiệm giải trình
- Tham gia của các bên liên quan

Dữ liệu - Đối sánh

- Sử dụng KPI & chỉ tiêu đo lường
- Đối sánh nội bộ & với bên ngoài
- Minh chứng xác thực, đa nguồn
- Phân tích dữ liệu, hỗ trợ ra quyết định

Cải tiến liên tục

- PDCA trong toàn bộ hoạt động
- Kế hoạch cải tiến sau TĐG /ĐGN
- Theo dõi & đánh giá lại (12–24 tháng)
- Văn hóa chất lượng bền vững

Góc nhìn: Triết lý đánh giá của TT20/2026 chuyển từ cho điểm số 7 mức (TT12/2017) sang đánh giá Đạt/Không đạt gắn với BĐCL, nhấn mạnh dữ liệu - đối sánh và trách nhiệm cải tiến. Phù hợp xu hướng quốc tế (AUN-QA, ESG), thúc đẩy CSGDĐH xây dựng văn hóa chất lượng.

Thay đổi tư duy đánh giá ngoài

Đánh giá sự tuân thủ và nhìn nhận đầy đủ về vận hành, kết quả và tác động

Tuân thủ

Có quy định, chính sách, quy trình, nguồn lực…

→ *Điều kiện cần, nhưng chưa đủ.*

Vận hành

Hệ thống được triển khai, tham gia của các BLQ, vận hành nhất quán…

→ *Cho thấy năng lực thực hiện.*

Kết quả

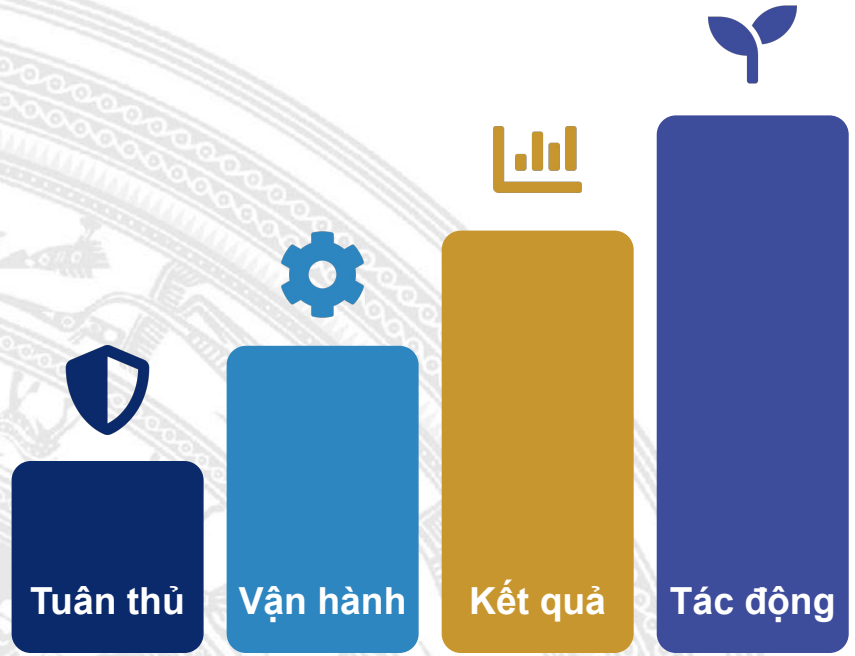
Đạt mục tiêu, hiệu quả, chất lượng đầu ra…

→ *Chứng minh giá trị đạt được.*

Tác động

Thay đổi tích cực, bền vững, được sử dụng để cải tiến…

→ *Tạo ra giá trị lâu dài.*



"Kiểm định không chỉ xác thực, công nhận chất lượng mà còn thúc đẩy cải tiến."

Thông tư 20/2026/TT-BGDĐT và căn cứ cho đánh giá toàn diện

Cơ sở để đánh giá sự tuân thủ

- Chủ trương, chính sách của Đảng.
- Luật Giáo dục; Luật Giáo dục đại học và các văn bản pháp lý liên quan GDĐH.
- Chính các quy định nội bộ của CSGDĐH.
- Thông tư 20/2026/TT-BGDĐT



Định hướng chính cho đánh giá mỗi tiêu chí

- ✓ Đánh giá toàn diện: tuân thủ → vận hành → kết quả → tác động
- ✓ Gắn với sứ mạng và mục tiêu phát triển
- ✓ Tăng cường bằng chứng, minh bạch, công khai
- ✓ Thúc đẩy cải tiến liên tục

1. Tuân thủ
2. Vận hành
3. Kết quả
4. Tác động

Không chỉ đánh giá đạt - không đạt, mà là đạt như thế nào và có giá trị gì

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Hệ thống văn bản QPPL về giáo dục đại học (cập nhật đến 06/10/2026)

LUẬT & NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI

43/2019/QH14	Luật Giáo dục	01/7/2020	73/2025/QH15	Luật Nhà giáo	01/01/2026
123/2025/QH15	Luật sửa đổi, bổ sung Luật GD	01/01/2026	248/2025/QH15	NQ chính sách đặc thù về GD&ĐT	BH 12/2025
125/2025/QH15	Luật Giáo dục đại học (*)	01/01/2026			

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ & QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG

NĐ 66/2026	Chi tiết một số điều Luật Giáo dục	15/3/2026	NĐ 361/2026	ĐK đầu tư, hoạt động GDĐH, KĐCL	17/9/2026
NĐ 91/2026	Chi tiết, hướng dẫn Luật GDĐH	30/3/2026	QĐ 38/2026/TTg	Khung cơ cấu hệ thống GD quốc dân	07/9/2026
NĐ 93/2026	Chi tiết, hướng dẫn Luật Nhà giáo	31/3/2026	QĐ 39/2026/TTg	Khung trình độ quốc gia Việt Nam	07/9/2026
NĐ 125/2026	KH, CN & ĐMST trong CSGDĐH	BH 06/4/2026			

THÔNG TƯ CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TT 04/2025	Kiểm định chất lượng CTĐT	04/4/2025	TT 56/2026	Quy chế đào tạo trình độ đại học	07/7/2026
TT 06/2026	Quy chế tuyển sinh trình độ đại học	15/02/2026	TT 49/2026	Ứng dụng công nghệ trong GDĐH	15/8/2026
TT 10/2026	Quy chế văn bằng, chứng chỉ	15/4/2026	TT 52/2026	Liên thông TH nghề, TC, CĐ, ĐH	15/8/2026
TT 26/2026	Chuẩn nghề nghiệp giảng viên ĐH	09/4/2026	TT 58/2026	Quy chế TC, HĐ của CSGDĐH	22/8/2026
TT 20/2026	Kiểm định chất lượng CSGDĐH	15/5/2026	TT 61/2026	Khai thác tài nguyên giáo dục mở	01/9/2026
TT 33/2026	Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc	31/5/2026	TT 62/2026	CT, giáo trình học phần dùng chung	12/9/2026
TT 54/2026	Chương trình đào tạo các trình độ	30/6/2026	TT 65/2026	Công nhận văn bằng nước ngoài	26/9/2026

Ngày ghi = ngày có hiệu lực; BH = ngày ban hành. (*) Một số khoản HL từ 01/7/2026; thay Luật GDĐH 08/2012/QH13 và các luật sửa đổi.

ĐÃ BAN HÀNH – CHƯA CÓ HIỆU LỰC

TT 74/2026/TT-BGDĐT
Danh mục ngành đào tạo các trình độ của GDĐH
Hiệu lực: 12/10/2026
Áp dụng khóa tuyển sinh từ 01/01/2027; thay TT 09/2022

TT 83/2026/TT-BGDĐT
Chuẩn cơ sở giáo dục đại học (6 tiêu chuẩn, 19 tiêu chí)
Hiệu lực: 15/11/2026
BH 30/9/2026; thay TT 01/2024; kỳ đánh giá đầu tiên với năm dữ liệu 2026

CÓ HIỆU LỰC – ÁP DỤNG TỪ 2027

TT 53/2026/TT-BGDĐT
Quy chế tuyển sinh và đào tạo sau đại học
HL 30/6/2026; áp dụng khóa tuyển sinh từ 01/01/2027; thay TT 18/2021 và TT 23/2021

Đã hết hiệu lực / bị thay thế: Luật 08/2012/QH13 (sđ 2018); TT 12/2017 (→ TT 20/2026); TT 08/2021 (→ TT 56/2026); TT 17/2021 (→ TT 54/2026); QĐ 1981, 1982/QĐ-TTg (→ QĐ 38, 39/2026).

Nguồn: vanban.chinhphu.vn, moet.gov.vn, vbpl.moj.gov.vn, luatvietnam.vn, báo Giáo dục & Thời đại… Danh mục chọn lọc các văn bản chủ chốt, cần đối chiếu Cơ sở dữ liệu quốc gia về VBPL trước khi sử dụng chính thức.

Văn bản mới ban hành năm 2025, 2026 với số lượng lớn, đang tiếp tục cập nhật

Bốn tầng minh chứng cho nhận định trong đánh giá ngoài

4. Tác động & cải tiến bền vững

- Giá trị đem lại cho người học, nhà trường, xã hội
- Duy trì và mở rộng cải tiến

3. Kết quả & hiệu quả

- Đạt mục tiêu, KPIs
- Xu hướng, so sánh, đối sánh
- Hiệu quả

2. Vận hành

- Hệ thống, hoạt động
- Dữ liệu, hồ sơ, sự tham gia
- Quyết định và hành động

1. Tuân thủ

- Chính sách, quy định
- Kế hoạch, cơ cấu, trách nhiệm

Tuân thủ → Vận hành → Kết quả → Tác động

Lưu ý:

Đây là khung phân tích cho tiếp cận ĐGN, không phải bốn mức đánh giá của Thông tư 20/2026/TT-BGDĐT.

Không phải tiêu chí nào cũng đòi hỏi việc đánh giá tác động.

Củng cố về phương pháp đánh giá

NC hồ sơ

- Yêu cầu tiêu chí
- Nội dung mô tả
- Dữ liệu, minh chứng
- Nhận định của CSGD

Phỏng vấn

- Không chỉ hỏi quy trình
- Cách ra quyết định
- Xử lý vấn đề
- Thay đổi sau đánh giá

Kiểm tra chéo

- Báo cáo TĐG
- Minh chứng
- Dữ liệu gốc
- Ý kiến các bên liên quan
- Quan sát thực tế

Phân tích xu hướng

- Theo thời gian
- Giữa các nhóm/đơn vị
- So sánh phù hợp
- Đối sánh trong, ngoài

Truy vết cải tiến

- Vấn đề → quyết định
- Hành động → nguồn lực
- Kết quả sau cải tiến
- Tác động xã hội

Câu hỏi:

"Dữ liệu nào chứng minh nhận định này? Có nguồn độc lập nào để kiểm chứng? Nhà trường đã thay đổi gì dựa trên kết quả phân tích, đánh giá?"

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Phân tích tình huống cụ thể TC 12.1

Ví dụ: Tiêu chí 12.1. Các chỉ số về kết quả đầu ra như tỉ lệ tốt nghiệp, tỉ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình và mức độ đạt chuẩn đầu ra của tất cả các CTĐT được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

TC 12.1 có 04 yêu cầu

Quy định

- Văn bản quy định, HD
- Đơn vị/bộ phận được phân công rõ ràng
- Hệ thống chỉ số đầy đủ, thống nhất
- Cách tính, nguồn dữ liệu, chu kỳ thu thập
- Hệ thống QLĐT/LMS
- CSDL người học
- Công cụ đo lường CLO, PLO, …

Vận hành

- Thu thập, tổng hợp dữ liệu định kỳ
- Xác lập, đo lường, đánh giá CĐR
- Phân tích theo CTĐT, bậc, hình thức, nhóm NH
- Đối sánh nội bộ, bên ngoài
- Giám sát chất lượng
- Nhận diện CTĐT/ nhóm cần ưu tiên theo dõi, cải tiến

Kết quả

- Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn, trước hạn
- Tỷ lệ thôi học & nguyên nhân
- Thời gian tốt nghiệp trung bình
- Mức độ đạt CLO học phần/PLO tất cả CTĐT
- Kết quả đối sánh làm căn cứ hỗ trợ ra quyết định

Tác động và cải tiến

- Kế hoạch cải tiến CTĐT, PP dạy học, KTĐG
- Điều chỉnh dịch vụ hỗ trợ người học
- Triển khai cải tiến
- Theo dõi hiệu quả qua thay đổi chỉ số
- Đánh giá tác động CTĐT
- Điều chỉnh CTĐT

Thay đổi của các bên liên quan chính trong KĐCLGD

Kiểm định viên

- Hiểu rõ công cụ KĐCLGD
- Kiểm chứng đa nguồn
- Phân tích dựa trên bằng chứng, dữ liệu
- Nhận định rõ ràng, công bằng, khuyến nghị thực hành tốt
- Nâng cao năng lực đánh giá, tư vấn
- Tạo niềm tin của CSGDĐH

Từ kiểm tra hồ sơ → đến phân tích và lập luận, đánh giá, tư vấn

Nhà trường

- Vận hành, phát triển hệ thống IQA thường xuyên, liên tục
- Tiếp cận TĐG, KĐCLGD tự nguyện
- Đầu tư IQA bền vững
- Xây dựng hạ tầng dữ liệu
- Kết hợp TĐG, ĐGN để cải tiến thực chất

Từ chuẩn bị hồ sơ → đến cải tiến liên tục, văn hóa chất lượng

Tổ chức KĐCLGD

- Thống nhất trong đánh giá
- Công cụ và nguồn lực
- Bồi dưỡng năng lực KĐV
- Tuân thủ quy định
- Kiểm soát chất lượng
- Công khai, giải trình
- Tư vấn chính sách

Từ kiểm định → đến tạo giá trị bền vững

Thông điệp: Không chỉ xem nhà trường có gì, mà phải hiểu nhà trường vận hành ra sao; không chỉ xem kết quả đạt được, mà còn đánh giá nhà trường sử dụng kết quả đó như thế nào để cải tiến chất lượng liên tục, đem lại giá trị gì cho người học, cộng đồng, xã hội.

Cần thiết có sự hỗ trợ lớn của cơ quan quản lý Nhà nước (cơ chế, thông tin, dữ liệu, hợp tác, …)

Thách thức đối với Kiểm định viên

Để đánh giá được tất cả các tiêu chuẩn, tiêu chí theo các cách tiếp cận, KĐV cần:

Năng lực KĐV

- **Hiểu pháp luật, quản trị, quản lý**
- **Kiến thức, kỹ năng chuyên môn về lĩnh vực GDĐH**
- **Đạo đức nghề nghiệp, khách quan, công bằng, giải trình**
- **Phân tích dữ liệu, quản lý thông tin, công nghệ số và AI**
- **Kỹ năng phỏng vấn, giao tiếp và cảm nhận văn hóa**
- **Tư duy hệ thống, đánh giá dựa trên minh chứng và bối cảnh**

Thách thức đối với KĐV

- Đánh giá toàn diện 15 tiêu chuẩn, 60 tiêu chí, 213 yêu cầu
- Kết hợp được đánh giá tuân thủ, vận hành, kết quả, tác động
- Đưa ra nhận định khách quan, có căn cứ, dựa trên dữ liệu
- Khuyến nghị phù hợp, khả thi
- Đánh giá phù hợp bối cảnh
- Tư vấn phát triển
- Đóng góp chính sách
- Bị xử phạt nếu làm không đúng

"Kiểm định viên có vai trò quyết định chất lượng của hoạt động KĐCLGD!!!"

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!